

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (Viết tắt là A);

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V1 - Giám đốc A1 Chi nhánh huyện P;

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lương Thế T - Phó Giám đốc A Chi nhánh huyện P; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên).

* **Bị đơn:**

- Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1983;

- Ông Vũ Đình K, sinh năm 1979;

Cùng HKTT/địa chỉ: Thôn Q, xã Q, tỉnh Hưng Yên (Trước đây là: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tổng số nợ gốc, nợ lãi:**

Các bên đương sự thống nhất xác nhận: Tính đến ngày 20/6/2025 bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K còn nợ Ngân hàng N (sau đây viết tắt là A) tổng số tiền là: 905.456.100 đồng (*Trong đó nợ gốc 570.000.000 đồng, tiền lãi là 335.456.100 đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201400981 ngày 14/04/2014; Thông báo giảm lãi suất cho vay ngày 10/9/2017; Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 21/01/2022 đều của A chi nhánh huyện P, Hưng Yên đối với Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201400981 ngày 14/04/2014 giữa A và bà Đỗ Thị Tuyết .

*** Về thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Trong thời hạn 72 ngày, kể từ ngày hòa giải 20/6/2025 đến hết ngày 31/8/2025 bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K phải có nghĩa vụ thanh toán cho A toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 20/6/2025 là: 905.456.100 đồng.

- Bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2025 cho đến khi bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ. Lãi suất được tính theo Thông báo giảm lãi suất cho vay ngày 10/9/2017; Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 21/01/2022 đều của A chi nhánh huyện P, Hưng Yên đối với Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201400981 ngày 14/04/2014 giữa A và bà Đỗ Thị Tuyết .

*** Về vi phạm nghĩa vụ trả nợ và biện pháp bảo đảm cho khoản vay:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Trong trường hợp bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho A, thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K để thu hồi khoản nợ vay.

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận:

+ Bị đơn (bà Đỗ Thị T1 và ông Vũ Đình K) phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại (làm tròn) là 19.581.000đ (*Mười chín triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng*).

+ Nguyên đơn (A) không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Nguyên đơn (A) số tiền 19.522.000đ (*Mười chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004608 ngày 08/5/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên (*Trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 1-Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương